TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/DS-ST
Ngày:17/03/2023
"V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tâm.

2. Ông Nguyễn Văn Trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Hồ Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 290/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc "tranh chấp hợp đồng dân sự về hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2023/QĐHPT ngày 08 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2023/QĐHPT ngày 08 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Vũ Đ, sinh năm 1981; địa chỉ: số nhà 59, tổ 02, ấp NA, xã NM, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1983; hộ khẩu thường trú ấp Long Thị A, phường Long Hưng, thị xã TA, tỉnh An Giang; địa chỉ hiện tại: số nhà 43, tổ 02, ấp NA, xã NM, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị Mỹ L ủy quyền cho ông Nguyễn Thành Th, sinh năm 1981; địa chỉ: Khóm 3, phường Châu Phú A, thành phố CĐ, tỉnh An Giang. Theo văn bản ủy quyền ngày 15.03.2022; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đặng Hoàng Tr, sinh năm 1983; địa chỉ: số nhà 43, tổ 02, ấp NA, xã NM, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Vũ Đ trình bày, do chỗ quen biết với vợ chồng bà L, ông Tr, ông có tham gia hụi do bà L làm chủ, số tiền bà L hưởng hoa hồng từ các hụi viên khác hốt. Đến kỳ mở hụi, hụi viên nào mở giá hụi cao nhất thì được hốt hụi. Chủ hụi có trách nhiệm thu tiền các hụi viên khác giao cho người hốt được và hưởng hoa hồng. Ông tham gia 02 dây hụi cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 2.000.000đ/tháng khui ngày 15/8/2021 (al) hụi có 20 hụi viên, dây hụi này ông tham gia 01 phần (trong dây hụi này chủ hụi ghi tên Hà, Đ số thứ tự số 16, 17). Hụi khui đến lần thứ 10 thì tự ý ngưng không khui tiếp tục. Do đó dây hụi này ông chầu được số tiền hụi sống là = 16.500.000 đồng. Hụi hiện nay chưa mãn.

- Dây hụi thứ hai: Hụi 2.000.000đ/tháng khui ngày 15/8/2021 (al) hụi có 20 hụi viên, dây hụi này ông tham gia 01 phần (trong dây hụi này chủ hụi ghi tên Hà, Đ số thứ tự số 16, 17). Hụi khui đến lần thứ 10 thì tự ý ngưng không khui tiếp tục. Do đó dây hụi này ông chầu được số tiền hụi sống là = 16.500.000 đồng. Hụi hiện nay chưa mãn.

Tổng cộng 02 dây hụi mà ông đã chầu số tiền hụi sống 33.000.000 đồng (ba mươi ba triệu đồng), sau đó có trả được 4.000.000 đồng, hiện nay còn nợ lại 29.000.000 đồng (hai mươi chín triệu đồng)

Nay ông yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Đặng Hoàng Tr có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền hụi 29.000.000 đồng (hai mươi chín triệu đồng) không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa ngày 17.02.2023 người đại diện ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Mỹ L là ông Nguyễn Thành Th trình bày: Đối với số nợ ông Đ vừa trình bày thì bà L cũng thống nhất hiện nay còn nợ ông Đ số tiền hụi 29.000.000 đồng (hai mươi chín triệu đồng) do hoàn cảnh gia đình bà L hiện nay khó khăn, cho bà xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt số tiền hụi 29.000.000 đồng (hai mươi chín triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu ông Đặng Hoàng Tr cùng có nghĩa vụ liên đới với bà Nguyễn Thị Mỹ L trả số tiền nợ hụi 29.000.000 đồng (hai mươi chín triệu đồng) cho ông Đ.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); danh sách hụi viên (bản photo).

- Bà Nguyễn Thị Mỹ L ủy quyền cho ông Nguyễn Phùng Thịnh đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn ông Nguyễn Vũ Đ đã cung cấp các tài liệu chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; không còn tài liệu, chứng cứ nào khác.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L ủy quyền cho ông Nguyễn Thành Th thống nhất số nợ nhưng xin trả dần.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến giải quyết vụ án:

Do quen biết, nên ông Nguyễn Vũ Đ có tham gia dây hụi 2.000.000 đồng/tháng do bà Nguyễn Thị Mỹ L làm chủ, dây hụi có 20 phần, ông Đ tham gia 02 phần tên Đ và Hà, đã đóng hụi được với tổng số tiền vốn 33.000.000 đồng. Đến ngày 19/6/2022 (âm lịch), bà L tuyên bố vỡ hụi và có trả được 4.000.000 đồng, còn nợ 29.000.000 đồng. Nay, yêu cầu bà L và ông Đặng Hoàng Tr (chồng bà L liên đới trả 29.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, phía bà L thống nhất số tiền nợ hụi, tuy nhiên không đồng ý đối với yêu cầu ông Đặng Hoàng Tr cùng liên đới với bà Nguyễn Thị Mỹ L trả số tiền 29.000.000 đồng. Hiện tại hoàn cảnh bà L khó khăn, xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng.

Xét thấy, căn cứ ông Đ khởi kiện là sổ hụi ngày 15/8/2021 (âm lịch), hụi 2.000.000 đồng/tháng và giấy xác nhận nợ, bà L xác nhận có nợ ông Đ 33.000.000 đồng đã trả được 4.000.000 đồng, còn nợ lại 29.000.000 đồng, nên có cơ sở xác định việc giao dịch hụi giữa ông Đ và bà L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận do bà L tự ý ngưng hụi, không được sự đồng ý của các hụi

viên, vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi nên ông Đ khởi kiện yêu cầu bà L trả nợ 29.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp Điều 471 Bộ luật Dân sự.

Đối với ông Tr, không trực tiếp giao dịch hụi với ông Đ, giữa ông Tr và bà L xác lập quan hệ hôn nhân nhưng không đăng ký kết hôn nên không có cơ sở xem xét buộc ông Tr liên đới cùng bà L trả số nợ trên.

Về tính lãi suất, do ông Đ không yêu cầu nên không đề cập đến.

Căn cứ các Điều 471 Bộ luật Dân sự, Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình, đề xuất:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Vũ Đ.

- Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ L có nghĩa vụ trả ông Nguyễn Vũ Đ tiền nợ hụi 29.000.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Vũ Đ yêu cầu ông Đặng Hoàng Tr liên đới cùng bà Nguyễn Thị Mỹ L trả số nợ hụi 29.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Nguyễn Vũ Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L có nghĩa vụ trả số tiền nợ hụi cho bà là 29.000. 000 đồng. Bà L có nơi cư trú tại ấp NA, xã NM, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Trước khi phiên tòa được mở người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Hoàng Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt ông Tr. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Tr theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] *Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:*

Qua lời khai và lời trình bày của ông Nguyễn Vũ Đ tại các biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ cung cấp và qua quá trình bà giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xác định giữa ông Đ với bà L có ký kết hợp đồng góp hụi giữa hai bên phù hợp với quy định của pháp luật. Nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, không trái đạo Đ xã hội, do bà L tự ý ngưng không khui hụi tiếp tục nhưng bà L không trả số tiền hụi khi ông Đ có yêu cầu là vi phạm nghĩa vụ thanh toán

được quy định tại Điều 282, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong số các tài liệu, chứng cứ do ông Đ cung cấp có danh sách dây hụi thể hiện dây hụi được bà L ghi tên Đ, Hà nằm các số thứ tự số 16,17.

Lời khai của người làm chứng cùng với dây hụi với ông Đ cũng xác định ông Đ có tham gia chơi hụi trong các dây hụi mà bà L làm chủ và hiện nay bà L còn thiếu lại ông Đ số tiền hụi là 29.000.000 đồng (hai mươi chín đồng).

Như vậy, lời khai của ông Đ phù hợp với danh sách hụi và lời khai của những người tham gia chơi hụi cùng ông Đ. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

[4] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nghĩa vụ trả nợ của bị đơn:*

Ông Đ yêu cầu bà L, ông Tr cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền hụi 29.000.000 đồng (hai mươi chín đồng).

Xem xét yêu cầu liên đới thấy rằng, mặc dù, ông Tr có cùng bà L xác lập hợp đồng về hụi với ông Đ hay không, nhưng hiện nay bà L với ông Tr không có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân ông bà không hợp pháp, vì vậy ông Đ yêu cầu bà L, ông Tr cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền hụi 29.000.000 đồng (hai mươi chín triệu đồng) là không có cơ sở.

Tại phiên Tòa người đại diện cho bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L là ông Nguyễn Thành Th xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng nhưng không được phía ông Đ chấp nhận

Từ những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của ông Đ tại phiên Tòa vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ là phù hợp với quy định pháp luật tại các Điều 466, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Đ không yêu cầu tính lãi suất. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Trần Thị Mỹ L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Ông Nguyễn Vũ Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 282, 466, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, 35, 39, 144, 146, 147, 227, 228, 235, 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Vũ Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ L có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Vũ Đ số tiền hụi 29.000.000 đồng (hai mươi chín triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Vũ Đ yêu cầu ông Đặng Hoàng Tr có nghĩa vụ liên đới với bà Nguyễn Thị Mỹ L trả cho ông số tiền hụi 29.000.000 đồng (hai mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 1.450.000 đồng (một triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng)

Ông Nguyễn Vũ Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Vũ Đ số tiền tạm ứng án phí 725.000 đồng *(bảy trăm hai mươi lăm nghìn) đồng* mà ông Nguyễn Vũ Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00124640 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới cấp ngày 17 tháng 10 năm 2022

3. Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Vũ Sơn